

HÃY SỐNG LÀ CHÍNH MÌNH
MA TRẬN ĐỀ THAM KHẢO MÔN NGỮ
NĂM HỌC 2022 - 2023

Thời gian làm bài: **90 phút** (Không kể thời gian giao đề)

I. KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MÔN NGỮ VĂN LỚP 10

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá								Tổn g % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Đọc	Chèo	4	0	3	1	0	1		1	60
2	Viết	Viết văn bản NL về một vấn đề xã hội								1	1
		Tỉ lệ%	0	1	0	1	0	1	0	1	40
Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi			20%	10%	15%	25%	0	20%	0	10%	100
Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức			30%		40%		20%		10%		
Tổng % điểm			70				30				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

T T	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Đọc hiểu	Chèo	Nhận biết: - Nhận biết được một số đặc điểm cơ bản của chèo. - Nhận biết được đề tài, các chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được các giá trị đạo đức văn hóa từ văn bản chèo. Thông hiểu: Hiểu và lý giải được ý nghĩa của lời thoại và việc xây dựng nhân vật. Vận dụng: Trình bày được thái độ, tình cảm của tác giả dân gian.	04TNK Q	03TNKQ 01 TL	01TL	01TL	10
			Tỉ lệ%	24%	24%	12%		60%

2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội	Nhận biết: - Xác định được cấu trúc bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội. - Xác định được kiểu bài: văn bản nghị luận về một vấn đề xã hội - Giới thiệu được vấn đề nghị luận Thông hiểu: - Giải thích đúng vấn đề nghị luận. - Phân tích được ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề nghị luận. - Làm sáng tỏ vấn đề bằng lí lẽ và bằng chứng. - Bàn luận, mở rộng vấn đề. Vận dụng: - Vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để hoàn				1	
---	------	--	---	--	--	--	---	--

		chỉnh văn bản nghị luận về vấn đề xã hội. - Sắp xếp lí lẽ, bằng chứng hợp lí. - Diễn đạt rõ ràng, gãy gọn. Vận dụng cao - Liên hệ thực tiễn nêu bài học nhận thức và hành động. - Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận hấp dẫn, thuyết phục, giàu cảm xúc.					
		Tỉ lệ %	10%	15%	10%	5%	40%
Tổng số câu			4 TN	4 TN 1 TL	1 TL	1 TL*	4 TN
Tỉ lệ			30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%		100%

ĐỀ THAM KHẢO MÔN NGỮ VĂN

NĂM HỌC 2022 – 2023

(Đề thi gồm 02 trang)

Thời gian làm bài: **90 phút** (Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

(Xuý Vân vốn được cha mẹ sắp đặt gả cho Kim Nham, một học trò nghèo. Sau khi cưới, Kim Nham lên kinh dù mài kinh sử; Xuý Vân buồn bã trong cảnh đợi chờ. Xuý Vân bị Trần Phương - một gã nhà giàu phong tình tán tỉnh, xui nàng giả điên để thoát khỏi Kim Nham. Xuý Vân nghe theo.)

XUÝ VÂN: [...]

Chị em ơi!

Ra đây có phải xưng danh, không nào?

(Đế⁽¹⁾) Không xưng danh ai biết là ai?

XUÝ VÂN:

Bước chân vào, tôi thưa rằng vậy,

Chẳng giấu gì Xuý Vân là tôi.

Tuy đại đột, tài cao vô giá,

Thiên hạ đồn rằng tôi hát hay đã lạ,

Ai cũng gọi là cô ả Xuý Vân.

Phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương,

Nên đến nỗi điên cuồng rồ dại.

(Hát điệu con gà rừng⁽²⁾):

Con gà rừng, con gà rừng ăn lẫn với công,

Đắng cay chẳng có chịu được, ước!

Mà để láng giềng ai hay?

Bông bông dặt, bông bông dúi,

Xa xa lắc, xa xa lú,

Láng giềng ai hay, ước bởi xuân huyên⁽³⁾,

Chờ cho bông lúa chín vàng,
Để anh đi gặt, để nàng mang cơm.
Bông bông dặt, bông bông dúi,
Xa xa lắc, xa xa lú,
Láng giềng ai hay, ước bởi xuân huyền.

(Tiếng trống nhịp nổi lên, Xúy Vân múa điệu bắt nhịp, xe tơ, dệt cử. Múa xong, Xúy Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch⁽⁴⁾...)

(Trích Xúy Vân giả dại, chèo Kim Nham, Theo Tư liệu tham khảo văn học Việt Nam, tập một – Văn học dân gian, BÙI VĂN NGUYỄN – ĐỖ BÌNH TRỊ chọn lọc, chú thích, giới thiệu, NXB Giáo dục, 1975)

Chú giải:

- (1) *Đế*: nói chêm vào lời của diễn viên trên sân khấu chèo (người nói là khán giả hoặc các diễn viên khác đứng sau sân khấu đối đáp với các diễn viên trên sân khấu).
- (2) *Điệu con gà rừng*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi muốn diễn tả nỗi niềm đả độn, bức tức của nhân vật.
- (3) *Xuân huyền*: cha mẹ (*xuân*: một loại cây to, sống lâu, được dùng để chỉ người cha; *huyền*: một loài cây lá nhỏ, dài, thường ví với mẹ).
- (4) *Điệu sa lệch*: một điệu hát chèo, thường được dùng khi cần thể hiện tâm trạng lưu luyến, nhớ thương hay ai oán.

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1: Đoạn trích “Xúy Vân giả dại” kể về việc:

- a. Xúy Vân giả dại buộc Kim Nham phải trả nàng về nhà để đi theo Trần Phương.
- b. Xúy Vân đau khổ vì bị Trần Phương lừa gạt nàng trở nên điên dại thật
- c. Xúy Vân vì không chịu nổi cảnh xa chồng nên nàng giả điên dại
- d. Xúy Vân vì thương nhớ chồng trở nên điên dại

Câu 2: Điều gì đã tạo nên mâu thuẫn trong tâm trạng của Xúy Vân trong đoạn trích ?

- A. khát vọng giữa tình yêu và đạo đức
- B. khát vọng giữa tình yêu và thực tại

C. khát vọng giữa tình yêu và cuộc sống.

D. Cả A và B

Câu 3: Nét đặc biệt của chèo cổ là gì?

a. Kết hợp giữa ba hình thức: dân ca, dân nhạc, dân vũ.

b. Kịch bản của chèo thường lấy từ tích cũ.

c. Sân khấu ở những sân đình.

d. Sự kết hợp giữa ca, múa, và lời nói

Câu 4: Phong cách biểu diễn của chèo thường mang tính:

a. Cụ thể

b. Nhân hóa

c. Tượng trưng

d. Ước lệ

Câu 5: Nguyên nhân bi kịch của cuộc đời Xúy Vân là do:

A. Cha mẹ ép duyên

B. Do Kim Nhan không yêu thương nàng

C. Do bị Trần Phương lừa dối tình cảm

D. Chế độ phong kiến với chế độ hôn nhân “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy” cùng lễ giáo phong kiến khắc khe kiểm toả khát vọng sống, khát vọng hạnh phúc của con người.

Câu 6: Những câu hát “*bông bông dãi, bông bông dúi - xa xa lắt, xa xa lúu*” là những câu :

A. vô nghĩa, Xúy Vân hát để giả điên

B. thể hiện cuộc sống vợ chồng của nàng

C. đệm thêm cho lời hát có vần, có điệu.

D. chỉ là lời của bài hát, không có ý nghĩa gì.

Câu 7: Trong những ý sau, điều nào không thể hiện được nhân vật Xúy Vân đáng thương?

a. Cuộc hôn nhân do cha mẹ sắp đặt vội vàng, không có tình yêu.

b. Gặp Trần Phương, Xúy Vân tưởng gặp người tri kỉ cô đã yêu Trần Phương.

c. Xúy Vân là cô gái đảm đang khéo léo, có mơ ước giản dị

d. Xúy Vân giả điên để theo Trần Phương.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 8. Chỉ ra các chỉ dẫn sân khấu có trong đoạn trích trên.

Câu 9. Trong lời xưng danh, Xuý Vân kể điều gì về bản thân? Qua đoạn xưng danh, có thể nhận ra những đặc điểm gì của sân khấu chèo?

Câu 10. Theo em, Xuý Vân đáng thương hay đáng trách? Hãy câu trả lời trong đoạn văn ngắn (khoảng 3 – 5 câu).

II. Viết (4,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình.

ĐỀ THI THAM KHẢO
NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ Văn

HƯỚNG DẪN CHẤM
NGŨ VĂN 10

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	B	0,5
	7	D	0,5
	8	Các chỉ dẫn sân khấu: - Lời nói đế: <i>Không xưng danh ai biết là ai?</i> - Âm nhạc và hành động của nhân vật trên sân khấu: <i>Tiếng trống nhịp nổi lên, Xuý Vân múa điệu bắt nhện, xe tơ, dệt cửi. Múa xong, Xuý Vân hát lên rồi cười và hát điệu sa lệch...</i> Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời đúng nội dung đáp án, có cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa. - Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt, chưa đủ ý: 0,25 điểm.	0,5
	9	-Trong lời xưng danh, Xuý Vân kể về bản thân: + Là một người có tài cao (hát hay), mọi người gọi là cô ả Xuý Vân.	0,5

	+ Nhưng lại đại đột phụ Kim Nham, say đắm Trần Phương, nên nghe theo lời xui khiến của hắc giả điên cuồng, rồ dại. - Qua đoạn xưng danh, có thể nhận ra những đặc điểm của sân khấu chèo: + Nhân vật xưng danh: đầy đủ tên họ, tính cách. + Sự tương tác giữa người xem và người diễn. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục, đầy đủ đạt 1,0 điểm. - Học sinh trình bày chưa thuyết phục, chưa rõ ràng đạt 0,25 -0,75 điểm.	0,5
10	HS viết đoạn văn theo yêu cầu đề bài - Hình thức: Đảm bảo dung lượng số câu không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành; - Nội dung: HS bày tỏ suy nghĩ về nhân vật Xuý Vân. + Xuý Vân đáng trách vì đã phụ lại chồng, đi theo nhân tình, đi ngược lại với đạo đức, lễ giáo phong kiến. + Xuý Vân đáng thương vì nàng có cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ban đầu khi mới cưới, nàng cũng có ước mơ giản dị, chính đáng. Nhưng ước mơ đó lại không cùng lí tưởng với chồng nàng là Kim Nham và gia đình chàng. Xuý Vân rơi vào tình cảnh lạc lõng, cô đơn trong gia đình chồng. Nên nàng mới chạy theo Trần Phương – người tưởng như là tri âm tri kỉ với nàng. Nhưng đáng thương thay, nàng lại bị Trần Phương lừa gạt. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trình bày thuyết phục, hợp lí, không vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật: 1,0 điểm - Học sinh trình bày chưa thuyết phục, chưa rõ ràng đạt 0,25-0,75 điểm *Lưu ý: Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết	1,0

		<i>phục, hợp lí vẫn cho điểm tối đa.</i>	
II		VIẾT	4,0
		Viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của anh/ chị về quan điểm hãy sống là chính mình.	
		<i>a/ Đảm bảo đúng cấu trúc bài văn nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		<i>b/ Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> <i>Giới thiệu và nêu được tầm quan trọng của vấn đề nghị luận: hãy sống là chính mình</i> - HS giới thiệu được vấn đề: 0,25 điểm. - HS nêu được tầm quan trọng của vấn đề: 0,25 điểm	0.5
		<i>c/ Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách, nhưng phải làm rõ được suy nghĩ về sự cần thiết của sống là chính mình. Có thể theo hướng:	
		- Giải thích: Sống là chính mình nghĩa là sống với những gì tự nhiên vốn có trong con người bạn, không cần phải gò bó hay ép buộc mình phải sống giống bất kì ai. - Phân tích ý nghĩa, tầm quan trọng của việc hãy sống là chính mình: giúp con người: + Làm chủ cuộc đời mình; + Có nhận thức đúng đắn về bản thân; + Thoải mái, tự do trong suy nghĩ và hành động; + Lạc quan, tự tin, đủ sức mạnh để vượt qua cám dỗ và khó khăn trong cuộc sống... - Bàn luận, mở rộng vấn đề: + Phê phán những người tự ti, không dám khẳng định bản thân. + Sống là chính mình không có nghĩa là bảo thủ, đề cao cái	2.5

	tôi cá nhân, ích kỉ, bất chấp pháp luật và thuần phong mỹ tục. Hướng dẫn chấm: + Học sinh trình bày đầy đủ, sâu sắc: 1,5 điểm. + Học sinh trình bày chưa đầy đủ hoặc chưa sâu sắc: 1,0 điểm - 1,25 điểm. + Học sinh chưa làm rõ vấn đề: 0,75 điểm - 1,0 điểm. + Học sinh trình bày sơ lược, không đúng vấn đề: 0,25 điểm - 0,5 điểm.	
	d/ Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0.25
	e/ Sáng tạo Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề cần nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về sự cần thiết của việc nhìn nhận những điều không hoàn hảo; có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong viết câu, dựng đoạn, lời văn có giọng điệu, hình ảnh.	0.5
	TỔNG ĐIỂM	10,0

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

<https://www.vnteach.com>

.....Hết.....